

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-08-2019.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, chia tài
sản chung, nợ chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đức Chung.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 07 năm 2019 và ngày 12 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 852/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Dần**; sinh năm: 1964; địa chỉ: số 38/4, tổ 1, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

- Bị đơn: Ông **Phạm Ngọc Tiết**; sinh năm: 1960; địa chỉ: số 38/4, tổ 1, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Văn Sinh**, sinh năm 1967, địa chỉ: xóm Lâm Hào, xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”

- Người làm chứng: Bà **Vũ Thị Đào**, sinh năm 1965, địa chỉ: số 40C đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn-bà Phạm Thị Dần trình bày:*

Bà và ông Phạm Ngọc Tiết chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/10/2007. Ông bà chung sống nhưng không có hạnh phúc và thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do mâu thuẫn trong kinh tế gia đình và ông Tiết không quan tâm, chăm sóc gia đình. Ông bà không hiểu và thông cảm cho nhau về công việc cũng như cuộc sống gia đình. Khi cãi nhau, ông Tiết có đánh bà nhiều lần. Ông bà vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Ông bà đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng càng cố gắng thì mâu thuẫn càng nhiều, không khí gia đình càng thêm nặng nề. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn nên bà xin được ly hôn với ông Tiết.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Ngọc Thanh Tân, sinh ngày 18/09/2008. Ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tân, không yêu cầu ông Tiết cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà đang công tác tại Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành và thu nhập khoảng trên 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4 diện tích 62m² tọa lạc trên thửa đất số 71, tờ bản đồ số 5 thị trấn Long Thành. Phần đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274394 ngày 15/02/2011 và được cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK632164 ngày 28/12/2017. Đây là tài sản được bà tạo lập trước khi kết hôn nên là tài sản riêng của bà.

Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được sở hữu ngôi nhà và bà sẽ có trách nhiệm thanh toán lại ½ giá trị ngôi nhà cho ông Tiết.

Về nợ chung: Vào năm 1998, bà có mượn của bà Vũ Thị Đào số tiền 9.000.000 đồng để mua đất. Đến cuối năm 1998 thì bà đã trả hết cho bà Đào.

Vào năm 2009, do có nhu cầu làm nhà nên ông bà có mượn của bà Đào số tiền 70.000.000 đồng, thỏa thuận không tính lãi và thời hạn trả. Sau khi làm nhà xong thì do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà chưa trả cho bà Đào. Đến đầu năm 2016, do chồng bà Đào mất và bà Đào cần tiền xoay sở nên ông bà có mượn của ông Phạm Văn Sinh số tiền 70.000.000 đồng để trả cho bà Đào. Ông bà và ông Sinh thỏa thuận không tính lãi và thỏa thuận miệng thời hạn vay là 3 năm. Đến nay, ông bà vẫn chưa thanh toán cho ông Sinh khoản tiền nào. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng là bà và ông Tiết mỗi người có trách nhiệm thanh toán ½ số nợ trên cho ông Sinh.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/03/2019 và ngày 28/05/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, bị đơn-ông Phạm Ngọc Tiết trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân thì bà Dần trình bày là đúng. Ông bà chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/10/2007. Nhưng bản thân ông không như bà Dần trình bày, ông vẫn quan tâm và chăm sóc gia đình. Trong cuộc sống, vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi cọ. Khi cãi cọ thì hai bên không có đánh nhau mà ông chỉ cầm dao quơ xung quanh chứ không có ý định gây thương tích cho bà Dần. Hiện nay, ông bà ở chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn theo ý kiến của bà Dần vì thấy mâu thuẫn không trầm trọng.

Về con chung: có 01 cháu tên là Phạm Ngọc Thanh Tân, sinh ngày 18/09/2008.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu bà Dần cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Hiện nay, ông đang là thương bệnh binh và được hưởng chế độ của nhà nước với số tiền khoảng 2.800.000 đồng/tháng và chưa đi làm thêm việc gì.

Về tài sản chung: có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích là 62m² tọa lạc tại địa chỉ số 38/4, tổ 1, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ngôi nhà này, ông bà xây vào năm 2009. Nay ông yêu cầu Tòa án chia đôi ngôi nhà theo thực trạng, mỗi người sẽ sử dụng phần nhà được chia. Riêng phần đất 510.8m² thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 5 thị trấn Long Thành thì do bà Dần mua trước khi kết hôn.

Về nợ chung: Do trước khi kết hôn, ông không rõ thời gian, bà Dần có mượn của bà Vũ Thị Đào số tiền 70.000.000 đồng để mua phần đất mà hiện nay ông bà đang ở nên khi bà Đào cần tiền và yêu cầu trả nợ thì ông bà có mượn của ông Phạm Văn Sinh số tiền là 70.000.000 đồng để trả cho bà Đào. Ông bà và ông Sinh thỏa thuận không tính lãi và thời hạn trả. Nay ông Sinh yêu cầu trả số nợ trên thì ông đồng ý thanh toán ½ số nợ trên.

** Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đề ngày 11/03/2019 cũng như lời khai tại phiên tòa xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-ông Phạm Văn Sinh trình bày:*

Vào ngày 10/01/2016, ông có cho ông Phạm Ngọc Tiết và bà Phạm Thị Dần mượn số tiền là 70.000.000 đồng để ông Tiết và bà Dần trả nợ tiền làm nhà. Hai bên thỏa thuận không tính lãi và có thỏa thuận miệng là trong vòng 03 năm phải hoàn trả. Nay ông Tiết và bà Dần nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết việc ly hôn và chia tài sản chung thì ông yêu cầu Tòa án

giải quyết buộc bà Dần và ông Tiết phải có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền là 70.000.000 đồng đã mượn để trả nợ tiền làm nhà.

** Tại bản tự khai ngày 02/08/2019 và lời khai tại phiên tòa xét xử, người làm chứng – bà Vũ Thị Đào trình bày:*

Bà là bạn học từ thuở nhỏ với bà Phạm Thị Dần, còn với ông Tiết thì bà không có quan hệ gì, bà chỉ biết ông Tiết là chồng của bà Dần. Trước đây, ông Tiết đi cùng bà Dần xuống nhà bà 1 lần để thăm bà bị bệnh. Ngoài ra, ông Tiết chưa từng qua lại với gia đình bà.

Vào năm 1998, khi bà Dần chưa kết hôn cùng ông Tiết, bà có cho bà Dần mượn số tiền 9.000.000 đồng để mua đất. Đến cuối năm 1998, bà Dần đã trả hết số nợ này cho bà.

Đến khoảng tháng 7 đến tháng 8 năm 2009, do bà thấy bà Dần ở nhà tập thể của bệnh viện, hoàn cảnh khó khăn và có con nhỏ nên bà có nói bà Dần ra làm nhà ở riêng thì bà Dần có hỏi bà mượn số tiền 100.000.000 đồng để làm nhà. Nhưng bà không có đủ tiền nên chỉ cho bà Dần mượn 70.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận không tính lãi và thời hạn trả. Khi nào bà cần thì bà Dần phải trả cho bà. Khi đi mượn không có ông Tiết đi cùng.

Đến đầu năm 2016, do khó khăn nên bà có hỏi bà Dần về số nợ thì bà Dần có trả cho bà số tiền nợ là 70.000.000 đồng. Khi trả nợ cho bà, chỉ có bà Dần gặp bà, không có mặt của ông Tiết.

Bà xác định bà Dần có mượn tiền của bà 2 lần, đã trả đầy đủ và bà không có ý kiến gì.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Phạm Thị Dần, xử cho bà Dần được ly hôn với ông Tiết. Về con chung: đề nghị giao cháu Phạm Ngọc Thanh Tân cho bà Dần nuôi dưỡng, bà Dần nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung: đề nghị giao cho bà Dần được sở hữu ngôi nhà cấp 4 và bà Dần có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Tiết ½ giá trị ngôi nhà. Về nợ chung: đề nghị buộc bà Dần và ông Tiết mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Văn Sinh ½ số nợ, cụ thể mỗi người thanh toán cho ông Sinh 35.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa vào ngày 30/07/2019, bị đơn-ông Tiết và người có quyền, nghĩa vụ liên quan- ông Sinh có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, do có phát sinh tình tiết mới về số nợ của bà Vũ Thị Đào nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm lời khai của bà Vũ Thị Đào và triệu tập bà Đào để tiến hành đối chất tại phiên tòa. Sau khi thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử có thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa. Tuy nhiên, ông Tiết và ông Sinh có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn-ông Tiết và người có quyền, nghĩa vụ liên quan- ông Sinh.

[2] Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** bà Phạm Thị Dân và ông Phạm Ngọc Tiết tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển số 01 ngày 23 tháng 10 năm 2007) nên quan hệ hôn nhân của bà Dân và ông Tiết là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thì trong quá trình chung sống, bà Phạm Thị Dân và ông Phạm Ngọc Tiết có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế gia đình và sự quan tâm, chăm sóc trong gia đình. Ông bà không hiểu và thông cảm cho nhau về công việc cũng như cuộc sống gia đình. Khi cãi nhau, ông Tiết có đánh bà Dân. Ông bà vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Bà Dân đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng đã rút đơn để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, càng cố gắng thì mâu thuẫn càng nhiều, không khí gia đình càng thêm nặng nề dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Như vậy, giữa bà Phạm Thị Dân và ông Phạm Ngọc Tiết đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dân, xử cho bà Dân được ly hôn với ông Tiết là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về con chung:** bà Dân và ông Tiết có 01 con chung tên là Phạm Ngọc Thanh Tân, sinh ngày 18/09/2008. Hiện nay, cháu Tân đang chung sống cùng ông bà.

Xét điều kiện nuôi con: Bà Dân có chỗ ở, thu nhập và công việc ổn định hơn ông Tiết. Mặc khác, cháu Tân cũng có nguyện vọng được ở với bà Dân. Vì vậy, cần giao cháu Tân cho bà Dân tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù

hợp với nguyện vọng của cháu Tân và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Dần không yêu cầu ông Tiết cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Bà Dần và ông Tiết đều trình bày là có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích là 62m² tọa lạc tại địa chỉ 38/4, tổ 1, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ngôi nhà này nằm trên diện tích đất 510.8m² thuộc thửa 71, tờ bản đồ số 5 thị trấn Long Thành đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274394 ngày 15/02/2011 và được cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK632164 ngày 28/12/2017.

Đối với diện tích đất 510.8m² thuộc thửa 71, tờ bản đồ số 5 thị trấn Long Thành: Theo hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ số 5 thị trấn Long Thành và các lời khai của người làm chứng- bà Nguyễn Thị Chung, ông Trần Văn Hiến thì có căn cứ xác định diện tích đất này do bà Dần nhận chuyển nhượng vào năm 1998. Ông Tiết cũng thừa nhận là phần đất này do bà Dần tạo lập trước thời kì hôn nhân. Ông Tiết đã được Tòa án thông báo về việc nộp đơn yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với phần đất này nhưng đến phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì ông Tiết vẫn không có đơn yêu cầu nên không xem xét.

Đối với 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích là 62m² trên đất: Ngôi nhà này xây dựng năm 2009. Bà Dần và ông Tiết đều thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Khi ly hôn, ông bà đều thống nhất chia đôi ngôi nhà. Tuy nhiên, bà Dần có nguyện vọng được sở hữu ngôi nhà và thanh toán lại ½ giá trị ngôi nhà cho ông Tiết, còn ông Tiết yêu cầu chia đôi ngôi nhà theo hiện trạng để hai bên sử dụng.

Xét thấy, ngôi nhà trên là công trình kiên cố, diện tích sử dụng nhỏ nên không đảm bảo nhu cầu sử dụng nếu chia theo hiện trạng. Mặt khác, ngôi nhà tọa lạc trên phần đất thuộc thửa 71, tờ bản đồ số 5 thị trấn Long Thành mà bà Dần tạo lập trước thời kì hôn nhân nên không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu chia nhà theo hiện trạng sử dụng của ông Tiết mà cần thiết giao cho bà Dần sở hữu ngôi nhà và bà Dần có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Tiết ½ giá trị ngôi nhà.

Tại chứng thư thẩm định giá số 76/TĐG-CT ngày 18/06/2019 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đồng Tiến thì ngôi nhà diện tích 62m² trị giá 93.000.000 đồng. Ông Dần và bà Tiết đều thống nhất giá trị theo chứng thư thẩm định giá.

Vì vậy, bà Dần có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Tiết ½ giá trị ngôi nhà là 46.500.000 đồng.

- **Về nợ chung:** Bà Dần và ông Tiết thống nhất là có nợ Phạm Văn Sinh số tiền 70.000.000 đồng. Mặc dù, bà Dần và ông Tiết có sự mâu thuẫn về mục đích sử dụng số tiền mượn của ông Sinh nhưng qua các chứng cứ trong hồ sơ và ý kiến của bà Vũ Thị Đào, ông Phạm Văn Sinh thì có căn cứ xác định bà Dần và ông Tiết có nợ Phạm Văn Sinh số tiền là 70.000.000 đồng và chưa thanh toán cho ông Sinh khoản tiền nào. Bà Dần và ông Tiết cũng thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng.

Nay ông Sinh yêu cầu trả số nợ trên thì bà Dần và ông Tiết đồng ý thanh toán mỗi người $\frac{1}{2}$ số nợ trên. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Phạm Văn Sinh, cụ thể bà Dần và ông Tiết cùng có trách nhiệm thanh toán cho ông Sinh 70.000.000 đồng. Cụ thể, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Sinh 35.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của bà Dần được chấp nhận nên bà Dần phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Dần và ông Tiết mỗi người phải chịu án phí chia tài sản chung như sau: $46.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.325.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Phạm Văn Sinh được chấp nhận nên bà Dần và ông Tiết mỗi người phải chịu án phí là $35.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.750.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, bà Dần phải chịu 4.375.000 đồng án phí sơ thẩm, ông Tiết phải chịu 4.075.000 đồng án phí sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 10.073.685 đồng.

Bà Dần và ông Tiết mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là $10.073.685 \text{ đồng} / 2 = 5.036.843 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Do bà Dần đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng nên ông Tiết phải có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Dần số tiền 5.036.843 đồng.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Phạm Thị Dần đối với bị đơn- ông Phạm Ngọc Tiết.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị Dần được ly hôn với ông Phạm Ngọc Tiết.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Thanh Tân, sinh ngày 18/09/2008 cho bà Phạm Thị Dần trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Dần không yêu cầu ông Tiết cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Giao cho bà Phạm Thị Dần được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 04 diện tích 62m² nằm trên thửa đất số 71, tờ bản đồ số 5 thị trấn Long Thành.

Bà Phạm Thị Dần có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Phạm Ngọc Tiết ½ giá trị ngôi nhà là 46.500.000 đồng.

- Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-ông Phạm Văn Sinh.

Buộc bà Phạm Thị Dần và ông Phạm Ngọc Tiết mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Văn Sinh số tiền là 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị Dần phải chịu 4.375.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.175.000 đồng theo biên lai thu số 006977 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, bà Phạm Thị Dần còn phải nộp 3.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Ngọc Tiết phải chịu 4.075.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng : Tổng cộng là 10.073.685 đồng.

Bà Dần và ông Tiết mỗi người phải chịu chi phí tố tụng 5.036.843 đồng.

Do bà Dần đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng nên ông Tiết phải có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Dần số tiền 5.036.843 đồng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Ngọc Nam